

Số: 912/QĐ-CTK

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc Cục Thống kê**

CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê; Quyết định số 1892/QĐ-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2025 và Quyết định số 2288/QĐ-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Quyết định số 384/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê;

Căn cứ Quyết định số 1528/QĐ-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phân công, phân cấp công tác tổ chức, cán bộ tại Bộ Tài chính;

Căn cứ Công văn số 10518/BTC-TCCB ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc phê duyệt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thống kê cấp tỉnh thuộc Cục Thống kê;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là Thống kê cấp tỉnh) là cơ quan thống kê nhà nước cấp tỉnh thuộc Cục Thống kê, thực hiện chức năng tổ chức, điều phối các hoạt động thống kê theo chương trình công tác của Cục trưởng Cục Thống kê giao; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động thống kê trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; tổ chức các hoạt động thống kê; cung cấp, công bố, phổ biến thông tin thống kê kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo

Đảng, chính quyền cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Thống kê cấp tỉnh có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch, chính sách phát triển hoạt động thống kê; tổ chức, chỉ đạo hướng dẫn và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê.

2. Tổ chức thu thập, tiếp nhận, xử lý, tổng hợp thông tin từ điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật.

3. Tiếp nhận, quản lý, sử dụng dữ liệu, thông tin từ cơ sở dữ liệu hành chính do các cơ quan quản lý dữ liệu cung cấp cho hoạt động thống kê trên địa bàn theo quy định của pháp luật. Bảo mật thông tin của tổ chức, cá nhân trong quá trình cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện các cuộc điều tra thống kê do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giao sau khi được Cục Thống kê thẩm định về chuyên môn, nghiệp vụ. Tổng hợp thông tin thống kê, kết quả điều tra thống kê do các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị khác trên địa bàn tỉnh, thành phố cung cấp. Xây dựng và quản lý hệ thống thông tin thống kê cấp tỉnh.

5. Phân tích và dự báo thống kê phục vụ việc xây dựng, đánh giá thực hiện chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; báo cáo kết quả điều tra, tổng điều tra thống kê; báo cáo phân tích chuyên đề; báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chiến lược, chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; biên soạn các chỉ tiêu thống kê được phân công.

6. Biên soạn, xuất bản Niên giám thống kê và các sản phẩm thống kê khác.

7. Ban hành và tổ chức thực hiện phổ biến thông tin thống kê nhà nước theo quy định của pháp luật. Tổ chức họp báo công bố thông tin thống kê kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, thành phố.

8. Quản lý và thực hiện công bố, phổ biến, cung cấp thông tin thống kê kinh tế - xã hội thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp xã theo quy định của pháp luật và phân cấp của Cục trưởng Cục Thống kê.

9. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê, sử dụng dữ liệu hành chính cho hoạt động thống kê theo quy định của pháp luật.

10. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê.

11. Hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ thống kê đối với điều tra viên, người làm công tác thống kê Sở, ngành, doanh nghiệp, xã, phường, đặc khu và người làm công tác thống kê thuộc phạm vi quản lý của Thông kê cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

12. Tổ chức thực hiện kiểm tra chuyên ngành thống kê; phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về thống kê.

13. Thực hiện tự đánh giá chất lượng thống kê theo Bộ tiêu chí chất lượng thống kê nhà nước.

14. Ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến và công nghệ thông tin - truyền thông vào hoạt động thống kê. Triển khai các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công tác quản lý hoạt động thống kê, công tác quản lý công chức và người lao động của Thống kê cấp tỉnh.

15. Quản lý, sử dụng công chức, người lao động thuộc Thống kê cấp tỉnh theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Tài chính, Cục Thống kê.

16. Lập dự toán, tổ chức thực hiện dự toán và quyết toán kinh phí hàng năm theo hướng dẫn của Cục Thống kê; quản lý tài chính, tài sản và các dự án đầu tư xây dựng được giao theo quy định của pháp luật.

17. Thực hiện cải cách hành chính; xử lý vi phạm hành chính; kiểm tra nội bộ; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thuộc phạm vi quản lý của Thống kê cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

18. Quản lý, cập nhật, lưu trữ hồ sơ nghiệp vụ, hồ sơ công chức, người lao động và các văn bản pháp quy của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

19. Thực hiện cung cấp dịch vụ công về thống kê theo quy định của pháp luật. Tổ chức tham khảo ý kiến người sử dụng thông tin thống kê để nâng cao chất lượng thông tin thống kê.

20. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Cục trưởng Cục Thống kê giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Cơ cấu tổ chức của Thống kê cấp tỉnh như sau:

a) Các phòng tham mưu:

- Phòng Thống kê Tổng hợp;
- Phòng Thống kê Nông nghiệp và Xã hội;
- Phòng Thống kê Công nghiệp và Xây dựng;
- Phòng Thống kê Dịch vụ và Giá;
- Phòng Tổ chức - Hành chính.

b) Thống kê cơ sở

Thống kê cơ sở thực hiện quản lý trên địa bàn một số xã, phường, đặc khu (gọi chung là Thống kê cấp cơ sở).

Số lượng Thống kê cơ sở của từng Thống kê tỉnh, thành phố được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Thông kê cấp cơ sở có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Biên chế công chức của Thông kê cấp tỉnh do Cục trưởng Cục Thông kê quyết định trong tổng biên chế được giao.

Điều 4. Lãnh đạo Thông kê tỉnh, thành phố

1. Thông kê tỉnh, thành phố có Trưởng Thông kê tỉnh, thành phố và một số Phó Trưởng Thông kê tỉnh, thành phố.

2. Trưởng Thông kê tỉnh, thành phố là người đứng đầu Thông kê tỉnh, thành phố, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Thông kê và trước pháp luật về toàn bộ các hoạt động của Thông kê tỉnh, thành phố. Các Phó Trưởng Thông kê tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm trước Trưởng Thông kê tỉnh, thành phố, Cục trưởng Cục Thông kê và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

1. Thông kê cấp tỉnh có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chi cục Thông kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đang được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, các hướng dẫn, quy trình, quy chế đã được ban hành cho đến khi cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản này.

2. Trưởng Thông kê tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức, sắp xếp để các Phòng, Thông kê cơ sở hoàn thành việc kiện toàn tổ chức và hoạt động chậm nhất trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 6. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2025.

2. Trưởng ban Ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Ban Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Cục, Trưởng Thông kê tỉnh, thành phố và Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Thông kê;
- Vụ TCCB, Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Thông kê cấp tỉnh;
- Website Cục Thông kê;
- Lưu: VT, TCCB (10b).

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hương

Phụ lục
DANH SÁCH TÊN GỌI THỐNG KÊ CẤP TỈNH
VÀ SỐ LƯỢNG THỐNG KÊ CẤP CƠ SỞ
THUỘC THỐNG KÊ CẤP TỈNH
(Kèm theo Quyết định số 912/QĐ-CTK ngày 11/7/2025
của Cục trưởng Cục Thống kê)

STT	Tên Thống kê cấp tỉnh	Số lượng Thống kê cấp cơ sở
1	Thống kê thành phố Hà Nội	28
2	Thống kê tỉnh Cao Bằng	10
3	Thống kê tỉnh Tuyên Quang	12
4	Thống kê tỉnh Điện Biên	7
5	Thống kê tỉnh Lai Châu	6
6	Thống kê tỉnh Sơn La	6
7	Thống kê tỉnh Lào Cai	11
8	Thống kê tỉnh Thái Nguyên	11
9	Thống kê tỉnh Lạng Sơn	6
10	Thống kê tỉnh Quảng Ninh	9
11	Thống kê tỉnh Bắc Ninh	13
12	Thống kê tỉnh Phú Thọ	20
13	Thống kê thành phố Hải Phòng	19
14	Thống kê tỉnh Hưng Yên	14
15	Thống kê tỉnh Ninh Bình	19
16	Thống kê tỉnh Thanh Hóa	19
17	Thống kê tỉnh Nghệ An	15

STT	Tên Thống kê cấp tỉnh	Số lượng Thống kê cấp cơ sở
18	Thống kê tỉnh Hà Tĩnh	6
19	Thống kê tỉnh Quảng Trị	13
20	Thống kê thành phố Huế	7
21	Thống kê thành phố Đà Nẵng	16
22	Thống kê tỉnh Quảng Ngãi	16
23	Thống kê tỉnh Gia Lai	20
24	Thống kê tỉnh Khánh Hòa	10
25	Thống kê tỉnh Đắk Lắk	15
26	Thống kê tỉnh Lâm Đồng	16
27	Thống kê tỉnh Đồng Nai	14
28	Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh	33
29	Thống kê tỉnh Tây Ninh	15
30	Thống kê tỉnh Đồng Tháp	17
31	Thống kê tỉnh Vĩnh Long	15
32	Thống kê tỉnh An Giang	16
33	Thống kê thành phố Cần Thơ	15
34	Thống kê tỉnh Cà Mau	11
	Tổng số	480